

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 46

25
CÔ
T
IÊN
VA
H P

010
CÔ
C
H
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đình Vinh
Bà Bùi Thị Hải Yến
Bà Nguyễn Minh Trang

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Hải Yến
Bà Nguyễn Minh Trang

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Bùi Thị Hải Yến - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.


CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, 



Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 210 /VACO/BCKi.T.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hanel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 46 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang ghi nhận phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G (gọi tắt là “N&G”) với số tiền khoảng 97,9 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là khoảng 102,9 tỷ VND), đây là khoản nợ tồn đọng từ nhiều năm trước, tại thời điểm phát hành báo cáo, Công ty chưa nhận được Biên bản đối chiếu công nợ của khoản phải thu này. Đồng thời trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 37,4 tỷ VND; Nếu trích lập dự phòng theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì: (i) Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm tăng thêm khoảng 102,9 tỷ VND (cuối năm tăng thêm khoảng 60,5 tỷ VND), chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đầu năm giảm khoảng 102,9 tỷ VND; (ii) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chi tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay sẽ giảm, Lợi nhuận trước thuế tăng cùng giá trị 42,4 tỷ VND (gồm hoàn nhập dự phòng 5 tỷ VND tương ứng số tiền nợ thu được trong năm); chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm trước tăng và Lợi nhuận trước thuế giảm cùng giá trị 24 tỷ VND.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị sau, cụ thể: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt, Công ty Cổ phần Biển Bạc, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hóa và Cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên là khoảng 20,6 tỷ VND; giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trên đã được trích lập là 1,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là khoảng 41,6 tỷ VND và 1,3 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết bổ sung (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho, dự án tồn đọng, chậm luân chuyển. Các bằng chứng thu thập được không đủ để chúng tôi đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các chỉ tiêu khác (nếu có) của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không, cụ thể:

- Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sàn giao dịch vận tải (đang ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) với số tiền khoảng 35 tỷ VND. Hiện tại, Công ty chưa ký được hợp đồng đầu ra tương ứng với các khoản chi phí đã bỏ ra này với các đối tác để có thể chuyển giao sản phẩm hình thành từ Dự án.
- Dự án Dịch vụ Truyền hình Hanel TV - IPTV (được ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel - công ty con của Công ty) với số tiền lần lượt là 3.575.991.121 VND và 4.976.827.881 VND.
- Dự án Open ERP và các thành phẩm được ghi nhận trên báo cáo tài chính của Cổ phần Giải pháp phần mềm Hanel - Công ty con của Công ty với tổng số tiền là 5.448.659.268 VND.
- Chi phí nghiên cứu Dự án đầu tư Nghiên cứu, sản xuất máy X-Quang kỹ thuật số CCD đang tạm dừng triển khai đang được ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nghiên cứu và phát triển Hanel - Công ty con với số tiền 2,2 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel - Công ty con của Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi với số tiền cần trích lập bổ sung là 9.020.777.371 VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Bảng cân đối kế toán; khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm cùng số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến các thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin cụ thể bổ sung cho báo cáo tài chính, cụ thể:

- Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 05 mô tả về việc Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt và Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long trên Chỉ tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel tại các đơn vị trên thấp hơn 20%. Theo đó, Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư trên theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Thuyết minh số 24 mô tả về việc Công ty tạm và phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2021 theo Nghị quyết số 01/2022/NQHĐQT-HANEL ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2022.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

- Thuyết minh số 41.2 trình bày thông tin về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; một số thửa đất, tài sản trên đất chưa được sắp xếp, xử lý nhà đất, theo đó, các lô, thửa đất và tài sản này có thể sẽ phải điều chỉnh (nếu có) theo các quyết định cụ thể của Cơ quan nhà nước.
- Thuyết minh số 41.3 trình bày thông tin chi tiết về việc áp dụng Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính trong ghi nhận, sử dụng các khoản tiền lãi nhận được từ Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cu Ba, thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và việc ghi nhận doanh thu-chi phí tài chính trên cơ sở thận trọng theo dòng tiền thực tế thanh toán từ đối tác.
- Thuyết minh số 42 trình bày thông tin về một số khoản tài sản và công nợ tiềm tàng liên quan đến khoản lãi phát sinh từ khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển N&G, Grupo De La Electronica và CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA, giá trị lợi thế của hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng II, 12, 13 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		833.197.763.940	801.131.169.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	121.212.251.119	108.465.467.674
1. Tiền	111		28.954.918.125	62.220.874.365
2. Các khoản tương đương tiền	112		92.257.332.994	46.244.593.309
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	367.056.500.001	260.619.878.577
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		367.056.500.001	260.619.878.577
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		221.305.005.139	307.364.381.769
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	186.103.120.779	213.578.147.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.126.797.136	9.270.229.484
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	133.031.621.929	139.107.525.211
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(105.956.534.705)	(54.591.520.434)
IV. Hàng tồn kho	140	10	79.363.787.203	79.923.316.452
1. Hàng tồn kho	141		79.510.844.003	80.080.904.634
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(147.056.800)	(157.588.182)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.260.220.478	44.758.125.428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.726.107.833	3.061.026.743
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		38.849.400.350	41.335.925.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	1.684.712.295	361.173.032
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.470.399.722.306	2.469.199.667.737
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.225.193.556	111.151.951.201
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	108.225.193.556	111.151.951.201
II. Tài sản cố định	220		98.379.874.008	139.401.430.707
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	98.116.939.355	138.964.297.874
- Nguyên giá	222		434.590.364.585	537.366.584.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(336.473.425.230)	(398.402.286.181)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	262.934.653	437.132.833
- Nguyên giá	228		98.608.632.458	95.914.635.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.345.697.805)	(95.477.502.612)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	49.978.228.488	29.431.883.350
- Nguyên giá	231		189.989.833.165	81.535.441.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(140.011.604.677)	(52.103.558.349)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	1.247.270.857.273	1.238.559.553.852
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3.555.861.748	3.660.329.762
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.243.714.995.525	1.234.899.224.090
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	952.850.517.932	936.608.513.986
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		893.434.395.725	876.132.068.323
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.240.463.797	54.240.463.797
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.324.341.590)	(1.308.848.134)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.500.000.000	7.544.830.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		13.695.051.049	14.046.334.641
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.384.041.648	4.932.415.211
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	9.311.009.401	9.113.919.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.303.597.486.246	3.270.330.837.637

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		869.345.933.044	885.587.379.576
I. Nợ ngắn hạn	310		470.476.086.339	486.055.722.657
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	78.142.472.306	81.273.481.883
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	17.592.311.505	26.427.208.150
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.377.194.556	4.352.141.602
4. Phải trả người lao động	314		6.166.723.177	12.018.782.511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	9.512.689.717	9.840.160.402
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	10.168.471.035	6.216.920.631
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	284.778.711.666	286.106.371.326
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	49.093.400.982	49.284.476.663
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		89.914.760	89.914.760
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.554.196.635	10.446.264.729
II. Nợ dài hạn	330		398.869.846.705	399.531.656.919
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	12.312.043.353	12.312.043.353
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	100.598.317.573	100.611.293.885
3. Phải trả dài hạn khác	337	22	23.064.826.727	19.181.957.796
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	249.735.328.234	254.354.183.965
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		13.159.330.818	13.072.177.920
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.434.251.553.202	2.384.743.458.061
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	2.434.251.553.202	2.384.743.458.061
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(17.944.000)	(17.944.000)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(5.796.813.665)	(5.796.813.665)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		83.755.160.225	66.152.325.298
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		270.347.245.036	238.127.137.212
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		220.427.821.113	210.897.168.030
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		49.919.423.923	27.229.969.182
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		159.963.905.606	160.278.753.216
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.303.597.486.246	3.270.330.837.637

Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			-	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		849.092.511.640	790.900.753.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		12.580.238	3.432.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	849.079.931.402	790.897.321.352
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	753.202.738.099	689.000.613.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		95.877.193.303	101.896.707.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	30.736.443.704	22.967.083.283
7. Chi phí tài chính	22	31	4.202.760.076	3.079.981.049
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.244.597.139	2.147.573.350
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		83.783.747.402	65.597.456.699
9. Chi phí bán hàng	25	32	22.483.641.541	21.167.860.664
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	107.250.486.009	108.885.646.279
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + 24)	30		76.460.496.783	57.327.759.593
12. Thu nhập khác	31	34	2.098.770.439	3.472.234.311
13. Chi phí khác	32	35	1.478.998.369	6.690.356.851
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		619.772.070	(3.218.122.540)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		77.080.268.853	54.109.637.053
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	7.868.754.129	8.514.697.193
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	(109.937.074)	2.169.240.996
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		69.321.451.798	43.425.698.864
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		65.062.325.332	36.283.771.608
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.259.126.466	7.141.927.256
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	315	174



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ




Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77.080.268.853	54.109.637.053
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	30.743.735.640	38.769.137.084
- Các khoản dự phòng	03	51.369.976.345	23.977.089.600
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.864.973.281	360.198.643
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(112.540.887.619)	(86.826.848.482)
- Chi phí lãi vay	06	1.241.210.379	2.147.573.350
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	1.091.922.330
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	49.759.276.879	33.628.709.578
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	59.176.981.944	(30.390.926.327)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	674.528.645	147.895.935
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(18.944.531.993)	13.918.692.507
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(116.707.527)	9.282.467.544
- Tiền lãi vay đã trả	14	(924.487.107)	(2.017.546.733)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.589.420.778)	(8.937.626.475)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	27.927.000	24.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.282.541.655)	(1.491.670.398)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.781.025.408	14.164.495.631
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.389.862.172)	(19.045.033.492)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	96.818.182	19.101.725.495
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(494.699.696.145)	(289.177.126.717)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	385.705.213.779	247.629.074.384
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.583.400.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.676.766.599	106.310.268.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.610.759.757)	62.235.508.208
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	500.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	249.172.588.048	236.078.746.464
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(255.774.963.881)	(235.612.812.161)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.478.530.716)	(41.475.011.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.080.906.549)	(40.509.076.847)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.089.359.102	35.890.926.992
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	108.465.467.674	72.577.147.229
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(342.375.657)	(2.606.547)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	121.212.251.119	108.465.467.674



Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 12 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký và hoạt động)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ Quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	58,75%	58,75%	Quản lý Khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	64,59%	64,59%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	83,75%	86,91%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	96,46%	100,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	68,56%	83,40%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	43,27%	60,14%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	Hà Nội	58,08%	64,54%	Sản xuất thiết bị điện tử

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Các Công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký và hoạt động)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thê NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty TNHH Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha- Khách sạn Hà Nội Daewoo	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	Hà Nội	12,92%	20,00%	Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, hợp chất thiên nhiên từ thảo

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Lãnh đạo đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 15;*
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm, bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đang sử dụng tại Công ty và đang được khấu hao với thời gian đường thẳng.

Bằng sáng chế và thương hiệu

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 02 đến 22 năm theo thời gian phân bổ doanh thu cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, doanh thu chưa thực hiện và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ của Công ty sẽ phải thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn góp của chủ sở hữu được xác định theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Trích lập các quỹ: Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty được phân phối vào các quỹ và bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP cụ thể như sau:

- Trích tối đa 30% quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện;
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mạng đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm chi trả, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả phải trích trước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.166.630.467 VND, đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền Dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27 tháng 6 năm 2017, tuy nhiên không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	4.136.369.020	4.740.614.525
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.818.549.105	57.480.259.840
Các khoản tương đương tiền (i)	92.257.332.994	46.244.593.309
Cộng	121.212.251.119	108.465.467.674

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	367.056.500.001	367.056.500.001	260.619.878.577	260.619.878.577
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	199.726.808.221	199.726.808.221	133.319.878.577	133.319.878.577
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	167.329.691.780	167.329.691.780	127.300.000.000	127.300.000.000
- Trái phiếu (iii)	4.600.000.000	4.600.000.000	-	-
a2) Dài hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	7.544.830.000	7.544.830.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	144.830.000	144.830.000
- Trái phiếu (iv)	6.500.000.000	6.500.000.000	7.400.000.000	7.400.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.
- (ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.
- (iii) Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Hanel - Công ty con của Công ty vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.
- (iv) Khoản đầu tư vào trái phiếu bao gồm:
 - Khoản đầu tư của Công ty TNHH Dehaco - Công ty con của Công ty vào trái phiếu TPBH2030023 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong với tổng mệnh giá 3.000.000.000 VND, phát hành ngày 19 tháng 11 năm 2020. Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, ngày đáo hạn 19 tháng 11 năm 2030. Sau 01 (một) năm, TPBank có quyền mua lại trái phiếu trước hạn. Lãi suất trái phiếu: (i) Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên 8,2%/năm; (ii) Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo: Lãi suất tham chiếu + 2,0%/năm. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn năm so với ngày phát hành; gốc được thanh toán vào ngày đáo hạn trái phiếu.
 - Khoản đầu tư của Công ty TNHH Dehaco - Công ty con của Công ty vào trái phiếu TPBH2030017 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong với tổng mệnh giá 3.500.000.000 VND, phát hành ngày 22 tháng 10 năm 2020. Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm, ngày đáo hạn 22 tháng 10 năm 2030. Sau 01 (một) năm, TPBank có quyền mua lại trái phiếu trước hạn. Lãi suất trái phiếu: (i) Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên 8,3%/năm; (ii) Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo: Lãi suất tham chiếu + 2,1%/năm. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu: lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào ngày tròn năm so với ngày phát hành; gốc được thanh toán vào ngày đáo hạn trái phiếu.

b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

- Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chi tiết xem tại Thuyết minh số 01 - Thông tin khái quát.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá trị số sách (i) VND	Giá trị tăng thêm/ giảm đi từ tài sản thuần của Công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị tăng thêm/ giảm đi từ tài sản thuần của Công ty liên kết VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	703.460.497.405	189.973.898.320	893.434.395.725	703.460.497.405	876.132.068.323
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát (ii)	574.673.406	(321.340.222)	253.333.184	574.673.406	253.333.184
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel (ii)	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Vé giao thông công cộng	517.776.481	59.706.948	577.483.429	517.776.481	563.484.349
Công ty CP Công nghệ Thế Nacencomm	3.626.660.221	(170.828.116)	3.455.832.105	3.626.660.221	3.608.511.795
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	343.526.073.021	86.859.269.456	430.385.342.477	343.526.073.021	456.776.738.941
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	216.460.432.601	(353.504.415)	216.106.928.186	216.460.432.601	216.085.441.785
(Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam)					
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	11.139.488.720	4.472.313.352	15.611.802.072	11.139.488.720	12.122.532.925
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	7.007.392.908	1.436.532.264	8.443.925.172	7.007.392.908	7.058.696.049
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel) (iii)	1.847.955.809	-	1.847.955.809	1.847.955.809	1.847.955.809
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	104.787.279.794	99.229.400.719	204.016.680.513	104.787.279.794	165.064.608.653
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	11.337.764.444	-	11.337.764.444	11.337.764.444	11.337.764.444
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel (ii)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Hanel Telecom	-	-	-	-	-
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	2.035.000.000	(1.237.651.666)	797.348.334	2.035.000.000	813.000.389

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MÃ SỐ B09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị số sách (i) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	54.240.463.797	1.324.341.590	54.240.463.797	1.308.848.134
Công ty Cổ phần Đầu tư Hampad	2.631.271.207	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	1.209.411.820	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội	3.425.144.017	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.006.080.834	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	804.165.656	14.893.749	(*)	(*)
Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	306.974.126	-	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	14.462.049.600	-	20.665.134.600	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	8.146.088.948	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel	458.689.409	100.036.021	(*)	99.436.314
Cộng	757.700.961.202	191.298.239.910	893.434.395.725	173.980.419.052
			757.700.961.202	876.132.068.323

Ghi chú:

- (i) **Giá trị số sách:** được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bán giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển giao tại ngày 27 tháng 6 năm 2017. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lãi cổ tức dự thu từ trước thời điểm xác định giá trị ban giao sang Công ty cổ phần tại ngày 27 tháng 6 năm 2017, theo đó các khoản cổ tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28 tháng 6 năm 2017 nhận về sau ngày 28 tháng 6 năm 2017 sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cổ phần hoá).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các Công ty liên kết sau: Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel và Công ty TNHH Đền hình ORION Hanel. Theo đó, Công ty thực hiện ghi nhận giá trị đầu tư các Công ty liên doanh, liên kết theo giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Hanel và các Công ty con hoặc giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu đã xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tính đến ảnh hưởng của cổ tức được chia trong năm.
- (iii) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt thấp hơn 20%, tại Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long được xác định tương ứng tỷ lệ vốn góp (không có quyền đồng kiểm soát), theo đó Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư vào các đơn vị trên phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của: (i) Các Công ty phân loại là khoản đầu tư vào đơn vị khác bao gồm: Công ty Cổ phần Biển Bạc, Công ty Cổ phần Đầu tư Hampad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hóa và Cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (ii) Các Công ty được phân loại là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết với tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel thấp hơn 20% bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt. Theo đó, Công ty chưa xác định được mức trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị trên (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(*) *Giá trị hợp lý:* Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>186.103.120.779</i>	<i>213.578.147.508</i>
Công ty TNHH Canon Việt Nam	25.685.139.026	23.093.071.230
Cubaelectronica Havana Cuba	20.209.840.965	20.562.441.989
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	16.646.608.478
Công ty TNHH Ariston Thernmo Việt Nam	14.647.648.321	13.323.463.366
Tập đoàn Cimex S.A	12.467.748.384	12.685.273.146
Công ty TNHH Brother Industries Việt Nam	7.551.657.126	7.596.916.710
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.711.963.012	4.711.963.012
Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam	3.011.704.112	2.251.929.242
Thales Six GTS France SAS	6.746.138.291	33.725.526.301
Các đối tượng khác	74.424.673.064	78.980.954.034
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>540.032.193</i>	<i>797.329.740</i>
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	60.709.301	356.859.301
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	219.691.549	180.839.096
Công ty Cổ phần Cây thuốc và Hương liệu Việt	153.230.000	153.230.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>8.126.797.136</i>	<i>9.270.229.484</i>
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	2.188.485.209	2.310.045.707
Công ty Cổ phần MQV	1.700.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Điện - Điện tử Việt - Newtec	1.576.674.429	1.576.674.429
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	618.750.000	786.500.000
Công ty Cổ phần ABM TECH	270.000.000	-
Các đối tượng khác	1.772.887.498	4.597.009.348
<i>Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	<i>598.040.041</i>	<i>598.040.041</i>
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	133.031.621.929	9.234.155.769	139.107.525.211	6.455.828.259
Tạm ứng	3.959.950.840	-	4.574.177.002	-
Ký cược, ký quỹ	373.079.258	-	952.573.057	-
- Đối tượng khác	373.079.258	-	952.573.057	-
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	2.268.789.164	-	2.475.788.767	-
Các khoản phải thu khác	126.429.802.667	9.234.155.769	131.104.986.385	6.455.828.259
- Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G (i)	97.920.788.809	-	102.920.788.809	-
- Công ty CP công nghệ truyền thông BMTS (ii)	8.938.038.228	-	8.259.038.228	-
- Công ty Kinh doanh nhà Vinh Hưng (iii)	7.611.465.874	4.628.389.238	6.834.091.570	3.028.358.633
- Công ty CP Công nghệ DTT	4.310.000.896	2.219.000.627	4.310.000.896	1.357.000.448
- Công ty TNHH Đầu tư Top Victory	1.812.527.986	-	1.812.527.986	-
- Công ty TNHH Cung ứng thiết bị khách sạn Việt Nam Hesco	-	-	758.616.438	-
- Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000
- Công ty CP CNTT và Giải pháp di động	-	-	900.000.000	-
- Công ty CP TM&DL Quốc tế Hoàng Gia VN	500.000.000	-	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.111.980.874	1.161.765.904	3.584.922.458	845.469.178
b) Dài hạn	108.225.193.556	-	111.151.951.201	-
Ký cược, ký quỹ	594.432.231	-	3.521.189.876	-
Phải thu khác	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh (iv)	107.630.761.325	-	107.630.761.325	-
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	171.618.700	166.568.700	165.568.700	164.568.700
Công ty CP Hanel Telecom	171.618.700	166.568.700	165.568.700	164.568.700

Ghi chú:

- (i) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 81.757.000.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31 tháng 5 năm 2017 và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2017 (thời điểm cổ phần hóa). Công ty chưa ghi nhận tăng doanh thu tài chính và phải thu khác từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi khoản nợ này.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty N&G chưa xác nhận khoản công nợ nêu trên và Công ty đang khởi kiện Công ty N&G.
- (ii) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến hợp đồng liên danh số 14/HĐKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.
- (iii) Khoản phải thu tiền thuê đất mà Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa trả hộ.
- (iv) Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05 - 05/HANEL-HUD3-HTKD ngày 05 tháng 5 năm 2016. Giá trị trên được ghi nhận theo Chứng thư thẩm định giá số 94/2018/CT-CPAVIETNAM ngày 14 tháng 4 năm 2018 với giá trị tạm tính 107.630.761.325 VND. Theo công văn số 770/UBND-KT từ Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội số Ngày 17 tháng 3 năm 2022, Công ty có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ tài sản phân chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này về Ban quản lý các công trình nhà ở và công sở thuộc Sở xây dựng để tiếp nhận và quản lý. Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang triển khai các công việc cần thiết theo quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. NỢ XẤU

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	188.318.709.843	82.362.175.138	193.656.837.929	139.065.317.495
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N & G	97.920.788.809	60.560.788.809	102.920.788.809	102.920.788.809
Cubaelectronica Havana Cuba	21.018.234.540	10.509.117.270	21.384.939.604	14.969.457.723
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	-	16.646.608.478	-
Tập đoàn Cimex S.A	12.966.458.229	-	13.192.683.980	3.957.805.194
Công ty Kinh doanh nhà Vinh Hưng	7.611.465.874	2.983.076.636	6.834.091.570	3.805.732.937
Công ty CP Công nghệ DTT	5.525.000.896	2.091.000.269	5.525.000.896	2.953.000.448
Công ty CP Đầu tư Hanpad	4.230.438.825	1.269.131.647	4.230.438.825	2.115.219.412
Văn phòng đại diện AOC Việt Nam	3.940.798.751	1.970.399.376	3.940.798.751	3.733.718.488
Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	-	1.225.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu	759.717.605	279.525.624	759.717.605	279.525.624
Công ty TNHH Borderless Integrators	733.641.689	-	733.641.689	-
Các đối tượng khác	15.740.556.147	2.699.135.507	16.263.127.722	4.330.068.860
Trong đó: Nợ xấu là các bên liên quan	932.919.385	5.050.000	928.869.385	3.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-	404.441.384	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	356.859.301	-	356.859.301	-
Công ty TNHH Hanel Telecom	171.618.700	5.050.000	167.568.700	3.000.000

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.109.761.577	-	11.903.561.078	-
Công cụ, dụng cụ	98.683.082	-	88.880.582	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.253.740.744	-	50.287.339.987	-
Thành phẩm	19.279.809.276	-	13.436.500.769	-
Hàng hóa	768.849.324	(147.056.800)	3.990.591.885	(157.588.182)
Hàng gửi bán	-	-	374.030.333	-
Cộng	79.510.844.003	(147.056.800)	80.080.904.634	(157.588.182)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải	30.761.736.345	29.130.252.220
Dự án cung cấp và lắp đặt thiết bị giai đoạn 2- Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	-	6.153.258.133
Dự án dịch vụ truyền hình Hanel TV	4.976.827.881	4.976.827.881
Dự án hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị thuộc hệ thống trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX	4.247.718.655	3.179.234.944
Dự án khác và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	6.267.457.863	6.847.766.809
Cộng	46.253.740.744	50.287.339.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3.726.107.833	3.061.026.743
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.596.235.202	2.365.472.302
Chi phí khác	2.129.872.631	695.554.441
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.384.041.648	4.932.415.211
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.948.017.086	2.455.962.444
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tài sản, văn phòng	1.006.742.701	253.253.153
Chi phí khác	1.429.281.861	2.223.199.614

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.133.832.961	10.524.607.786	10.483.393.952	1.092.619.127
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.107.721.893	2.107.721.893	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	1.801.314.683	4.488.821.199	5.734.681.823	3.047.175.307
Thuế thu nhập cá nhân	417.027.274	2.272.950.323	2.043.905.119	187.982.070
Thuế tài nguyên	21.521.638	235.075.594	233.549.054	19.995.098
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	899.491.012	899.491.012	-
Các loại thuế khác	-	61.323.893	61.323.893	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	3.498.000	222.971.180	223.843.180	4.370.000
Cộng	3.377.194.556	20.812.962.880	21.787.909.926	4.352.141.602
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	199.632.052	35.617.246	199.632.052	35.617.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	154.628.856	3.793.482.240	3.854.738.955	93.372.141
Thuế thu nhập cá nhân	57.844.868	120.462.388	55.985.636	122.321.620
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.267.606.519	14.464.203.273	15.626.947.767	104.862.025
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.000.000	3.000.000	3.000.000	5.000.000
Cộng	1.684.712.295	18.416.765.147	19.740.304.410	361.173.032

Ghi chú:

(i) Thuế TNDN phải nộp trong năm bao gồm:

- Giá trị 7.868.754.129 VND là tiền thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chi tiết xem Thuyết minh số 34;
- Giá trị 413.549.310 VND là khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con của Công ty - Công ty TNHH Dehaco.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.578.191.401	4.724.957.704	308.986.340	95.914.635.445
- Phân loại lại	-	-	2.693.997.013	-	2.693.997.013
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.418.954.717	308.986.340	98.608.632.458
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.568.191.393	4.297.824.879	308.986.340	95.477.502.612
- Khấu hao trong năm	-	10.000.008	164.198.172	-	174.198.180
- Phân loại lại	-	-	2.693.997.013	-	2.693.997.013
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.156.020.064	308.986.340	98.345.697.805
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	10.000.008	427.132.825	-	437.132.833
Số dư cuối năm	-	-	262.934.653	-	262.934.653

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 97.946.848.356 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 94.745.231.343 VND).

15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	81.535.441.699	81.535.441.699
- Tăng do phân loại lại tài sản cố định (i)	108.454.391.466	108.454.391.466
Số dư cuối năm	189.989.833.165	189.989.833.165
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	52.103.558.349	52.103.558.349
- Khấu hao trong năm	3.930.698.356	3.930.698.356
- Tăng do phân loại lại tài sản cố định (i)	83.977.347.972	83.977.347.972
Số dư cuối năm	140.011.604.677	140.011.604.677
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	29.431.883.350	29.431.883.350
Số dư cuối năm	49.978.228.488	49.978.228.488

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm: Bất động sản đầu tư cho thuê và hợp tác kinh doanh bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B; số 2 Chùa Bộc và một số bất động sản đang cho thuê tại Hàng Bông, Phố Vọng và Thái Hà.

Ghi chú:

(i) Phân loại lại các bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. TÀI SẢN DỠ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	3.555.861.748	3.660.329.762
Dự án Open ERP	3.555.861.748	3.660.329.762
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.243.714.995.525	1.234.899.224.090
Khu đô thị - Công viên Công nghệ Phần mềm HN (i)	936.565.999.493	935.910.445.613
Điểm thông quan DA nội địa thành phố Hà Nội (ii)	248.260.337.973	240.100.120.418
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMDT và VP Hanel) (iii)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án nghiên cứu và phát triển sản phẩm máy X quang kỹ thuật số	5.490.557.920	5.490.557.920
Các dự án khác	3.596.991.121	3.596.991.121

Ghi chú:

- (i) Dự án xây dựng khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội trên diện tích 43,45 ha (bao gồm 2 ô đất quy hoạch: ô K là 32,14ha, ô L là 7,33ha) tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Dự án hiện đã cơ bản hoàn thành, quyết toán xong các gói thầu chính phần hạ tầng kỹ thuật của ô K, tiếp tục triển khai đánh giá tác động môi trường DTM và đã được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ô L. Phần lớn các công trình trên đất đã có ý tưởng thiết kế và báo cáo nghiên cứu khả thi độc lập cho từng công trình. Trong năm 2021, Công ty đang tiếp tục bàn giao tuyến đường 48m cho các sở ban ngành, phối hợp thực hiện hạ ngầm đường điện 220kV Mai Động - Long Biên, phối hợp xử lý phân diện tích 1565m² thuộc ô L để thi công tuyến đường 13m, tiếp tục kêu gọi vốn đầu tư để thực hiện dự án và thực hiện một số công việc khác.
- (ii) Dự án xây dựng cảng thông quan nội địa đồng bộ tại khu vực Hà Nội, phục vụ thông quan hàng hóa tại các địa điểm đã được các cấp có thẩm quyền chấp thuận, kèm theo các dịch vụ kinh doanh phụ trợ của doanh nghiệp tại địa điểm thông quan. Dự án có quy mô 19,21 ha với tổng vốn đầu tư là 781,849 tỷ đồng, Dự án đã hoàn thành xong công tác giải phóng mặt bằng và đang thực hiện công tác san nền.
- (iii) Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với tổng số tiền là 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Địa điểm đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel do không thuộc phạm vi sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty sẽ làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý về các chi phí đã phát sinh tại Dự án Phạm Hùng trên.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi chưa thực hiện của Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel và Công ty CP Truyền thông Hanel (cung cấp dịch vụ cho Công ty CP Hanel)	4.315.350.514	3.329.900.659
Lãi vay của Công ty TNHH Dehaco, Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel và Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel (cho Công ty Cổ phần Hanel vay thực hiện dự án)	42.239.696.495	42.239.696.495
Tổng lợi nhuận chưa thực hiện	46.555.047.009	45.569.597.154
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Cộng	9.311.009.401	9.113.919.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	78.142.472.306	78.142.472.306	81.273.481.883	81.273.481.883
Công ty TNHH Hóa chất MING DIH	7.098.507.360	7.098.507.360	7.058.102.880	7.058.102.880
Công ty TNHH Intech Color Việt Nam	7.796.536.842	7.796.536.842	5.826.134.411	5.826.134.411
Công ty CP Công nghệ TKM Việt Nam	6.027.405.000	6.027.405.000	1.518.907.500	1.518.907.500
Công ty TNHH Toyo Ink Compounds Việt Nam	5.826.682.275	5.826.682.275	4.011.881.700	4.011.881.700
Công ty CP Đầu tư khoáng sản Phú Minh	4.038.906.410	4.038.906.410	3.320.295.000	3.320.295.000
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật Sao Việt	3.907.750.182	3.907.750.182	-	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	3.176.884.756	3.176.884.756	3.176.884.756	3.176.884.756
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	2.648.249.845	2.648.249.845	4.648.249.845	4.648.249.845
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ máy tính An F	2.092.552.000	2.092.552.000	-	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	713.726.615	713.726.615	713.726.615	713.726.615
Công ty TNHH Kỹ thuật Mesco	103.120.311	103.120.311	3.473.203.111	3.473.203.111
Các đối tượng khác	34.712.150.710	34.712.150.710	47.526.096.065	47.526.096.065
b) Phải trả người bán dài hạn	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353	12.312.043.353
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669	2.358.764.669
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan	3.072.491.284	3.072.491.284	3.098.258.467	3.098.258.467
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)	3.072.491.284	3.072.491.284	3.072.491.284	3.072.491.284
Công ty CP Công nghệ thẻ Naccomm	-	-	5.610.000	5.610.000
Công ty CP Daeha	-	-	20.157.183	20.157.183

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	17.592.311.505	26.427.208.150
Thales Six GTS France S.A.S	12.208.259.162	13.813.827.037
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Toàn Cầu xanh	1.709.121.580	-
Trung tâm Internet Việt Nam	2.442.178.250	3.967.158.613
Các đối tượng khác	1.232.752.513	8.646.222.500

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	9.512.689.717	9.840.160.402
Trích trước chi phí thường xét	1.041.435.000	1.514.906.000
Chi phí dự án Giải pháp GTTM	-	1.451.273.333
Chi phí dự án Thales	912.240.133	2.793.678.917
Chi phí thẩm định giá	750.000.000	750.000.000
Chi phí lãi vay	2.046.720.627	1.491.589.244
Chi phí dự phòng tiền lương	3.739.253.000	1.152.515.539
Chi phí phải trả khác	1.023.040.957	686.197.369
Trong đó: Chi phí phải trả bên liên quan	1.156.610.520	772.152.180
Lãi vay phải trả Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	1.156.610.520	772.152.180

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.168.471.035	6.216.920.631
Doanh thu cho thuê đất KCN, văn phòng	10.168.471.035	6.216.920.631
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	100.598.317.573	100.611.293.885
Doanh thu cho thuê đất KCN	100.598.317.573	100.611.293.885
Trong đó: Doanh thu chưa thực hiện với bên liên quan	1.717.109.852	800.994.568
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi-Hanel	1.717.109.852	800.994.568

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	284.778.711.666	286.106.371.326
Nhận ký quỹ ký cược (i)	21.153.881.080	21.493.989.446
Kinh phí công đoàn	538.064.152	523.360.720
Các khoản bảo hiểm	4.364.368	52.194.886
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (ii)	244.173.659.937	244.173.659.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.908.742.129	19.863.166.337
- Công ty Cp Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Đài truyền hình kỹ thuật số VTC (iii)	8.938.038.228	8.938.038.228
- Đối tượng khác	4.347.424.701	5.301.848.909
b) Phải trả dài hạn khác	23.064.826.727	19.181.957.796
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (iv)	23.064.826.727	19.181.957.796
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan	7.215.224.800	7.215.224.800
Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL	7.215.224.800	7.215.224.800

Ghi chú:

(i) Trong đó bao gồm: Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ VND theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29 tháng 5 năm 2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án diêm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ VND cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ VND, thanh toán cho Công ty 20 tỷ VND còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ VND đặt cọc. Tại thời điểm lập báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.

(ii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04 tháng 7 năm 2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán với tổng số tiền là 23.578.191,25 USD. Công ty đã hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 52.883.913.142 VND tương ứng với số tiền Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được từ Cuba, đồng thời điều chỉnh giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Khoản phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến hợp đồng liên danh số 14/HĐKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.
- (iv) Khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn bao gồm 02 khoản chính:
 - Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN, theo đó Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02 tháng 5 năm 2007;
 - Khoản Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel nộp cho Công ty TNHH Dehaco - Công ty con của Công ty số tiền 7.215.224.800 VND cho mục đích cam kết bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 144/18/HĐ-DEHACO ngày 30 tháng 6 năm 2018, thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc Công ty TNHH Dehaco góp mặt bằng, Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel triển khai kinh doanh, lợi nhuận Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel cam kết phân chia cho Công ty TNHH Dehaco là 19.677.885.816 VND/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	40.545.235.027	40.545.235.027	246.151.309.055	250.187.021.679	44.580.947.651	44.580.947.651
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Chương Dương (i)	37.594.661.978	37.594.661.978	181.084.850.748	159.358.736.089	15.868.547.319	15.868.547.319
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hai Bà Trưng (ii)	2.950.573.049	2.950.573.049	65.066.458.307	90.828.285.590	28.712.400.332	28.712.400.332
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.783.715.955	6.783.715.955	6.814.179.145	1.039.542.202	1.009.079.012	1.009.079.012
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	6.783.715.955	6.783.715.955	6.814.179.145	1.039.542.202	1.009.079.012	1.009.079.012
Vay ngắn hạn từ các doanh nghiệp khác	90.450.000	90.450.000	-	-	90.450.000	90.450.000
Đối tượng khác	90.450.000	90.450.000	-	-	90.450.000	90.450.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác	1.674.000.000	1.674.000.000	142.000.000	2.072.000.000	3.604.000.000	3.604.000.000
Ông Trần Văn Chiến (iv)	1.674.000.000	1.674.000.000	-	-	1.674.000.000	1.674.000.000
Bà Nguyễn Thu Phương	-	-	142.000.000	142.000.000	-	-
Bà Đặng Quỳnh Trang	-	-	-	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000
Ông Trần Đức Anh	-	-	-	680.000.000	680.000.000	680.000.000
Tổng vay và nợ ngắn hạn	49.093.400.982	49.093.400.982	253.107.488.200	253.298.563.881	49.284.476.663	49.284.476.663
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn từ tổ chức tín dụng	56.434.159.314	56.434.159.314	3.175.323.414	7.794.179.145	61.053.015.045	61.053.015.045
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (iii)	54.915.795.678	54.915.795.678	676.959.778	6.814.179.145	61.053.015.045	61.053.015.045
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Chương Dương	1.518.363.636	1.518.363.636	2.498.363.636	980.000.000	-	-
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam) - bên liên quan của Công ty (vii)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Vay dài hạn đối tượng khác	1.072.000.000	1.072.000.000	-	-	1.072.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Văn Chiến (iv)	1.072.000.000	1.072.000.000	-	-	1.072.000.000	1.072.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa - Công ty con của Công ty theo hợp đồng vay theo hạn mức số 01/21/HM/VCB.CD-HNX ngày 05 tháng 02 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương. Tổng hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 VND, được nhận nợ bằng cả tiền VND và USD. Hạn mức cho vay này bao gồm cả số dư nợ vay của công ty tại Ngân hàng theo Hợp đồng vay theo hạn mức số 01/19/HM/VCB.CD-HNX ngày 31 tháng 12 năm 2019; Thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa - Công ty con của Công ty theo hợp đồng tín dụng số 01/2021-HĐCVHM/NHCT142-HANEL PLASTICS ngày 30 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng. Hạn mức tín dụng là 35.000.000.000 VND, được nhận nợ bằng cả VND và USD bao gồm cả số dư nợ vay và số dư L/C. Thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá năm (05) tháng. Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa.
- (iii) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty theo hợp đồng cho vay số 01/HĐTD/VPB-ICD ngày 05 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn vay đến hết ngày 07 tháng 6 năm 2027, lãi suất vay trong năm từ 8,2%/năm - 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ dự án.
- (iv) Khoản vay của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn vay là 12 - 24 tháng, lãi suất trong năm từ 9%/năm - 11%/năm.
- (v) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12 tháng 6 năm 2017, số tiền vay 135.000.000.000 VND, Lãi suất 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 11 năm 2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.
 - Hợp đồng số 02/HĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 7 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 70.220.000.000 VND, lãi suất cho vay 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01-02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 11 năm 2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.

Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng vốn để triển khai Dự án Khu đô thị hỗ trợ - Khu công nghiệp Sài Đồng B tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội phải thông báo trước 30 ngày cho Công ty Cổ phần Hanel thì Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn trả tiền vay đầy đủ theo văn bản thông báo thu hồi tiền vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Dự án Khu đô thị hỗ trợ vẫn đang trong giai đoạn hoàn thành hồ sơ pháp lý và giải phóng mặt bằng; chưa được bàn giao đất để thực hiện dự án. Theo đó Công ty đánh giá khoản vay trên là vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANELSố 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND						VND	VND	
Số dư tại ngày đầu năm trước	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(17.944.000)	(5.796.813.665)	55.849.742.736	3.302.852	247.453.294.696	158.219.533.108	2.381.711.115.727	VND
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	36.283.771.608	7.141.927.256	43.425.698.864	
Tăng vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000	
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ	-	-	-	-	(44.959.813)	(3.302.852)	161.599.856	(113.337.191)	-	
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	4.317.763.796	-	(5.534.908.197)	(676.749.189)	(1.893.893.590)	
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.688.229.361)	
Chi trả cổ tức tại Hanel mẹ	-	-	-	-	-	-	(37.749.247.200)	-	(37.749.247.200)	
Phân phối lợi nhuận Hanel mẹ	-	-	-	-	6.029.778.579	-	(8.825.332.500)	-	(2.795.553.921)	
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	6.337.958.949	(1.104.391.407)	5.233.567.542	
Số dư tại ngày đầu năm nay	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(17.944.000)	(5.796.813.665)	66.152.325.298	-	238.127.137.212	160.278.753.216	2.384.743.458.061	VND
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	-	65.062.325.332	4.259.126.466	69.321.451.798	
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(3.889.507.000)	(3.889.507.000)	
Chi trả cổ tức tại Hanel mẹ (i)	-	-	-	-	-	-	(11.748.490.200)	-	(11.748.490.200)	
Phân phối lợi nhuận Hanel mẹ (i)	-	-	-	-	12.918.890.596	-	(15.142.901.409)	-	(2.224.010.813)	
Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	4.683.944.331	-	(6.228.125.560)	(653.764.019)	(2.197.945.248)	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	321.596.605	-	321.596.605	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	(2.083.462)	2.083.462	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(42.213.482)	(32.786.519)	(75.000.001)	
Số dư tại ngày cuối năm nay	1.926.000.000.000	(17.944.000)	(17.944.000)	(5.796.813.665)	83.755.160.225	-	270.347.245.036	159.963.905.606	2.434.251.553.202	VND



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 thông qua việc trích 100% lợi nhuận sau khi phân phối các quỹ để chi trả cổ tức năm 2020, số tiền 11.748.490.200 VND.

(ii) Phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2021 theo Nghị quyết số 01/2022/NQHĐQT-HANEL ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2021 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	12.918.890.596 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	1.912.411.727 VND
- Trích quỹ khen thưởng VCQL:	311.599.086 VND

Công ty sẽ xin phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

b. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội là 1.926.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo danh sách cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
Tổng cộng	1.926.000.000.000	100%	1.926.000.000.000	100,00%

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	46.258,99	658.598,27
- EUR	367.133,82	1.858,96
- SGD	100,00	100,00
2. Nợ khó đòi đã xử lý	3.186.990.857	3.186.990.857
3. Tài sản nhận giữ hộ	1.020	-
Thiết bị nhà thông minh (bộ)	1.020	-

26. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Bộ phận dự án;
- Bộ phận bán hàng hóa: thiết bị điện tử;
- Bộ phận bán thành phẩm: các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: chủ yếu hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Năm nay	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	365.285.332.707	339.116.705.777	129.847.844.885	14.830.048.033	849.079.931.402
Giá vốn	353.451.786.672	295.425.876.270	95.288.341.242	9.036.733.915	753.202.738.099
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	11.833.546.035	43.690.829.507	34.559.503.643	5.793.314.118	95.877.193.303
Chi phí không phân bổ					129.734.127.550
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(33.856.934.247)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư					114.520.191.106
Chi phí từ hoạt động tài chính					(4.202.760.076)
Lãi/(Lỗ) khác					619.772.070
Lợi nhuận trước thuế					77.080.268.853
Thuế TNDN hiện hành					7.868.754.129
Thuế TNDN hoãn lại					(109.937.074)
Lợi nhuận sau thuế					69.321.451.798
Năm trước	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	313.351.896.206	310.624.989.590	119.495.769.641	47.424.665.915	790.897.321.352
Giá vốn	310.945.820.641	257.477.553.040	80.907.287.703	39.669.952.365	689.000.613.749
Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận	2.406.075.565	53.147.436.550	38.588.481.938	7.754.713.550	101.896.707.603
Chi phí không phân bổ					130.053.506.943
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(28.156.799.340)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư					88.564.539.982
Chi phí từ hoạt động tài chính					(3.079.981.049)
Lãi/(Lỗ) khác					(3.218.122.540)
Lợi nhuận trước thuế					54.109.637.053
Thuế TNDN hiện hành					8.514.697.193
Thuế TNDN hoãn lại					2.169.240.996
Lợi nhuận sau thuế					43.425.698.864

27. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu dự án	14.830.048.033	47.424.665.915
- Doanh thu bán hàng hoá	365.285.332.707	313.351.896.206
- Doanh thu bán thành phẩm	339.129.286.015	310.628.421.590
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.847.844.885	119.495.769.641
	849.092.511.640	790.900.753.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.580.238	3.432.000
- Chiết khấu thương mại		-
- Giảm giá hàng bán	12.580.238	3.432.000
- Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	849.079.931.402	790.897.321.352

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dự án	9.036.733.915	39.669.952.365
Giá vốn hàng hoá	353.451.786.672	310.945.820.641
Giá vốn thành phẩm	295.425.876.270	257.477.553.040
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	95.288.341.242	80.907.287.703
Cộng	753.202.738.099	689.000.613.749

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.948.382.281	17.964.176.757
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.271.317.075	2.206.575.200
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.068.335.631	2.167.544.693
Lãi hợp tác kinh doanh	3.726.027	324.995.988
Doanh thu hoạt động tài chính khác	444.682.690	303.790.645
Cộng	30.736.443.704	22.967.083.283

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.244.597.139	2.147.573.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.942.669.481	931.744.203
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	15.493.456	663.496
Cộng	4.202.760.076	3.079.981.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.398.124.672	2.161.558.045
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.258.317	25.677.756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.749.119.886	17.478.128.297
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.317.138.666	1.502.496.566
Cộng	<u>22.483.641.541</u>	<u>21.167.860.664</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	36.946.118.383	36.352.161.028
Chi phí vật liệu quản lý	913.643.275	1.168.690.348
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	51.365.014.271	23.976.426.104
Chi phí dự phòng tiền lương	-	1.152.515.539
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(1.152.515.539)	(994.794.019)
Chi phí đồ dùng văn phòng	824.953.295	921.985.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.050.751.870	2.806.775.262
Thuế, phí và lệ phí	(3.419.602.531)	16.190.968.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.556.673.790	19.055.765.002
Chi phí bằng tiền khác	8.165.449.195	8.255.153.372
Cộng	<u>107.250.486.009</u>	<u>108.885.646.279</u>

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	235.336.916.437	182.409.400.944
Chi phí nhân công	93.630.046.193	95.773.942.848
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.743.735.640	37.063.418.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.988.203.148	146.310.874.041
Chi phí khác bằng tiền	16.698.076.427	41.409.023.583
Cộng	<u>510.396.977.845</u>	<u>502.966.659.864</u>

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.868.754.129	8.514.697.193

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(109.937.074)	2.169.240.996
Cộng	<u>(109.937.074)</u>	<u>2.169.240.996</u>

36. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	96.818.182	929.084.077
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	114.907.414
Hoạt động hợp tác kinh doanh	1.696.983.639	1.746.529.093
Thu nhập khác	304.968.618	681.713.727
Cộng	<u>2.098.770.439</u>	<u>3.472.234.311</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán	-	195.440.239
Khấu hao tài sản không sử dụng	-	1.705.718.636
Dự án Công nghệ thông tin tập trung tại Quảng Ninh (i)	-	2.315.863.886
Chi phí cho hoạt động hợp tác kinh doanh	468.201.557	468.427.786
Chi phí khác	1.010.796.812	2.004.906.304
Cộng	<u>1.478.998.369</u>	<u>6.690.356.851</u>

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	65.062.325.332	36.283.771.608
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BDH	(4.421.956.061)	(2.795.553.921)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	60.640.369.271	33.488.217.687
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	192.600.000	192.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>315</u>	<u>174</u>

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm:

- Không bao gồm: (i) 3.547.043.593 VND là số lãi nhập gốc của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh lần lượt trên các chỉ tiêu Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác.
- Không bao gồm: (i) 886.211.770 VND tiền cổ tức đã nhận được quyết định chia cổ tức nhưng chưa được thanh toán, vì vậy một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh vào chỉ tiêu tăng giảm các khoản phải thu

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm:

- Không bao gồm 18.122.840 VND là số cổ tức chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Bao gồm 25.447.750 VND là số cổ tức năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	298.828.729.216	303.638.660.628
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(121.212.251.119)	(108.465.467.674)
Nợ thuần	177.616.478.097	195.173.192.954
Vốn chủ sở hữu	2.434.251.553.202	2.384.743.458.061
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,07	0,08

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.212.251.119	108.465.467.674
Phải thu khách hàng và phải thu khác	321.403.401.559	409.246.103.486
Đầu tư tài chính ngắn hạn	367.056.500.001	260.619.878.577
Đầu tư tài chính dài hạn	60.740.463.797	61.785.293.797
Tổng cộng	870.412.616.476	840.116.743.534
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	298.828.729.216	303.638.660.628
Phải trả người bán và phải trả khác	397.755.625.532	398.298.298.752
Chi phí phải trả	9.512.689.717	9.840.160.402
Dự phòng phải trả	89.914.760	89.914.760
Tổng cộng	706.186.959.225	711.867.034.542

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 3.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.212.251.119	-	121.212.251.119
Phải thu khách hàng và phải thu khác	213.178.208.003	108.225.193.556	321.403.401.559
Đầu tư tài chính ngắn hạn	367.056.500.001	-	367.056.500.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	60.740.463.797	60.740.463.797
Tổng cộng	701.446.959.123	168.965.657.353	870.412.616.476
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	49.093.400.982	249.735.328.234	298.828.729.216
Phải trả người bán và phải trả khác	362.378.755.452	35.376.870.080	397.755.625.532
Chi phí phải trả	9.512.689.717	-	9.512.689.717
Dự phòng phải trả	89.914.760	-	89.914.760
Tổng cộng	421.074.760.911	285.112.198.314	706.186.959.225
Chênh lệch thanh khoản thuần	280.372.198.212	(116.146.540.961)	164.225.657.251
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.465.467.674	-	108.465.467.674
Phải thu khách hàng và phải thu khác	298.094.152.285	111.151.951.201	409.246.103.486
Đầu tư tài chính ngắn hạn	260.619.878.577	-	260.619.878.577
Đầu tư tài chính dài hạn	-	61.785.293.797	61.785.293.797
Tổng cộng	667.179.498.536	172.937.244.998	840.116.743.534
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	49.284.476.663	254.354.183.965	303.638.660.628
Phải trả người bán và phải trả khác	366.804.297.603	31.494.001.149	398.298.298.752
Chi phí phải trả	9.840.160.402	-	9.840.160.402
Dự phòng phải trả	89.914.760	-	89.914.760
Tổng cộng	426.018.849.428	285.848.185.114	711.867.034.542
Chênh lệch thanh khoản thuần	241.160.649.108	(112.910.940.116)	128.249.708.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng: các nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh và từ cổ tức trong năm tới và các năm tiếp theo có thể tạo ra đảm bảo nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

41. THÔNG TIN KHÁC**41.1 Thông tin về việc ký các hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

41.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội đang có tranh chấp; Ủy ban nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được quyết định của UBND TP. Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

41.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba

Áp dụng nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận các khoản thanh toán nợ tồn đọng của các đối tác tại Nước Cộng hòa Cu Ba theo các hợp đồng mua bán, Công ty đã nhất quán thực hiện:

- Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng với toàn bộ số tiền Công ty thực nhận (bao gồm gốc, và một phần lãi chậm thanh toán);
- Số tiền nhận được từ Grupo De La Electronica từ kỳ tháng 3 năm 2018 (sau khi đã căn trừ hết nợ gốc đến kỳ tháng 02/2018) sẽ được sử dụng để trả lãi cho Ngân hàng Phát triển ("VDB");
- Giá trị còn lại sau khi trả lãi (trả hết nợ gốc và lãi cho VDB) sẽ được nộp toàn bộ về Ngân sách Nhà nước, không ghi nhận lợi nhuận và không được phân phối tại Công ty;
- Công ty chỉ ghi nhận các giao dịch (như trên) theo số tiền thực tế được đối tác chuyển tiền thanh toán về tài khoản của Công ty.

Tuy nhiên, từ kỳ tháng 8 năm 2018, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty. Tổng số tiền phải thu nhưng chưa thu được cho kỳ thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 theo Biên bản xác minh công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 23.578.191,25 USD. Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền phải thu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm; Tương ứng Công ty cũng chưa ghi nhận Chi phí tài chính đối với giá trị tiền lãi đã trả cho VDB cho đợt thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 là 52.883.913.142 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**41.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba (Tiếp theo)**

Số tiền đã thanh toán cho VDB được cản trừ (ghi giảm) số dư Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "*Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...*". Công ty đang hạch toán sử dụng nguồn dự phòng phải thu khó đòi Cuba với số tiền 52.883.913.142 VND để thanh toán cho VDB, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Chi tiết tại Thuyết minh 22 (ii).

42. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

- (i) Ngoài giá trị nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G đã được ghi nhận là 97.920.788.809 VND (thuyết minh số 9), Công ty chưa ghi nhận giá trị tiền lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị khoảng 68.725.728.831 VND theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được. Ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã gửi đơn kiện ra tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Vụ việc đang tiếp tục chờ cơ quan có thẩm quyền xử lý.
- (ii) Ngoài khoản phải thu phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa đã trình bày tại Thuyết minh số 41, Công ty còn có khoản công nợ phải thu của CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA được trình bày tại thuyết minh số 6 và số 9 phát sinh từ hợp đồng mua bán số 11-I-38059-B ngày 24 tháng 8 năm 2018 với tổng số tiền là 928.367,25 USD. Công ty chưa ghi nhận tiền lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng này đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 với giá trị là 247.539,22 USD theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được.
- (iii) Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHTKD-HANEL ký với Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng (ngày 10 tháng 10 năm 2016 Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình tại dự án 409 Lĩnh Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Thăng Long Việt Nam) với số tiền 15 tỷ VND, nguyên nhân do Dự án đang phát sinh tranh chấp, chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục triển khai dự án. Giá trị lợi thế trên chưa được xác định để tăng vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, Công ty sẽ ghi nhận khi nhận được giá trị này.
- (iv) Theo Bản án phúc thẩm số 35/2020/KDTM-PT công bố ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc quyết định: hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa giải quyết lại theo thủ tục chung.

Theo đó, Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m² tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m² của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng 11, 12, 13 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Hanel) tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

- Các công ty liên doanh, liên kết đã được nêu tại Thuyết minh số 5.
- Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	43.004.774.428	37.900.446.299
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	41.399.204.428	35.011.242.957
Công ty Cổ phần Truyền hình số Miền Bắc	1.092.000.000	1.272.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	347.250.000	1.395.150.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm	166.320.000	222.053.342
Mua hàng	179.530.006	650.963.554
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	179.530.006	617.554.554
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm	-	33.409.000
Chi phí lãi vay	384.458.340	385.511.650
Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn	384.458.340	385.511.650
Trả nợ gốc vay	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.627.240.505	68.945.200.000
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	30.000.000.000	9.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	35.481.420.000	59.095.200.000
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	4.145.820.505	-
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thẻ Nacencomm	600.000.000	450.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:


Ngoài số dư chủ yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 18, 20, 21, 22 và 23, Công ty không còn số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính.


Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:


	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	2.426.572.154	2.052.229.636
Ông Nguyễn Đình Vinh	884.166.354	778.255.875
Bà Bùi Thị Hải Yến	837.895.132	718.103.364
Bà Nguyễn Minh Trang	704.510.668	555.870.397

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.


Trần Thu Loan
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022


Lữ Thị Khánh Trân
Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ


Bùi Thị Hải Yến
Tổng Giám đốc

